

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 180/2018/DS-PT
Ngày 13 - 6 - 2018
V/v yêu cầu chia di sản thừa
kế và tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 về yêu cầu chia di sản thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2018/QĐPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Bạch Y, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Minh T1, sinh năm: 1945 là đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ủy quyền ngày 11/3/2014)

Địa chỉ: XXYD, ấp X, xã N, thành phố B, tỉnh B.

- Bị đơn:

1. Anh Võ Đăng B1, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

2. Anh Võ Đăng Hưng T2, sinh năm 1985

Địa chỉ: số ABC, tổ nhân dân tự quản số X, ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị Thu V, sinh năm 1958;
 2. Anh Võ Đăng Trung T3, sinh năm 1988;
- Cùng địa chỉ: số ABC, tổ nhân dân tự quản số X, ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

B.

3. Bà Võ Thị Tố T4, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp H, xã C, huyện B, tỉnh B.

4. Bà Võ Thị Bảo T5, sinh năm 1979;

Địa chỉ: số XY, HTL, phường HP, quận TP, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bà V, ông T3, bà T4, bà T5: anh Võ Đăng Hưng T2 là đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ủy quyền ngày 26/02/2015).

5. Chị Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1983 (vợ anh Võ Đăng Hưng T2);

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Kim X: Anh Võ Đăng Hưng T2 là đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ủy quyền ngày 04/3/2014)

6. Chị Bùi Thị Thanh L, sinh năm 1978 (vợ anh Võ Đăng B1);

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của chị Bùi Thị Thanh L: Anh Võ Đăng B1 là đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ủy quyền ngày 15/3/2014)

7. Bà Võ Thị B2, sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị B2: Ông Trần Minh T1, sinh năm 1945 là đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ủy quyền ngày 03/8/2017)

Địa chỉ: XYZD, xã N, thành phố B, tỉnh B.

8. Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã V: Ông Hồ Tấn B3, sinh năm: 1962 (chức vụ: công chức địa chính – xây dựng xã V) là đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ủy quyền ngày 24/11/2015).

9. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh B

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện B: Ông Lê Văn Đ (chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B) là đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ủy quyền ngày 01/02/2016).

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn chị Ngô Thị Bạch Y, bị đơn anh Võ Đăng Hưng T2, anh Võ Đăng B1.

(chị Y, ông T1, anh B1, anh T2, bà V, bà B2 có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Minh T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng như nguyên đơn chị Ngô Thị Bạch Y trình bày:

Bà Đàm Thị T6 là bà ngoại của chị Y có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 846, thửa 847 cùng tờ bản đồ số 2, diện tích 12.730 m² tọa lạc tại xã V, được cấp ngày 22/12/1994.

Ngày 03/01/2013, bà T6 có nhờ Phòng công chứng Đồng Khởi tỉnh Bến Tre lập di chúc bằng văn bản có nội dung: giao toàn bộ tài sản đất đai này cho chị Y. Đến ngày 07/01/2013 bà T6 có lập di chúc bổ sung bằng văn bản cho chị Yến hưởng thêm 01 ngôi nhà 03 căn chữ đình gắn liền trên thửa đất 846, tờ bản đồ số 2 và toàn bộ cây trái gắn liền với thửa đất số 847, tờ bản đồ số 2, xã V; một căn nhà và đất trong số 03 căn nhà liền nhau tọa lạc tại chợ V có kích thước 2,5m x 16m. Căn nhà trước kia lợp tole thiếc, vách gỗ, chị Y đã bỏ tiền ra xây dựng cải tạo lại sinh sống làm nghề thợ may.

Ngày 06/4/2013, bà Đàm Thị T6 chết. Ngày 09/5/2013, Văn phòng Công chứng Đồng khởi có Thông báo số 21/TB-CC về việc “văn bản khai nhận di sản thừa kế” đối với tài sản trong giấy di chúc ngày 03/01/2013. Ngày 10/6/2013, Ủy ban nhân dân xã V có biên bản về việc kết thúc thời gian niêm yết thông báo “văn bản khai nhận di sản thừa kế” đã báo có tiếp nhận 01 đơn khiếu nại của công dân về tài sản được niêm yết nói trên, đó là gia đình của ông Võ Thành P (con trai bà T6), ông P chết nên do vợ và các con của ông đứng ra tranh chấp với chị Y vì họ không đồng ý với 02 di chúc của bà T6 để lại tài sản cho chị Y chỉ là cháu ngoại.

Ngày 27/11/2013, Ủy ban nhân dân xã V lập biên bản hòa giải không thành về việc tranh chấp giữa chị Y đối với gia đình của ông Võ Thành P mà đại diện là anh Võ Đăng Hưng T2, Võ Đăng B1 (con của ông P, là cháu nội của bà T6), sau đó hồ sơ chuyển về Tòa án.

Vì vậy, chị Y đã yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo di chúc cụ thể:

+ Buộc anh Võ Đăng B1 phải dỡ nhà mới vừa xây dựng trên thửa đất số 847, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã V.

+ Buộc anh Võ Đăng Hưng T2 phải giao lại ngôi nhà của bà Đàm Thị T6 chết để lại trên thửa 846, tờ bản đồ số 2 và toàn bộ cây cối, hoa màu trên thửa đất số 847, tờ bản đồ số 2, xã V.

Đến ngày 14/4/2014 chị Ngô Thị Bạch Y khởi kiện bổ sung với yêu cầu:

Thực hiện chia di sản theo di chúc để công nhận cho chị được làm chủ sở hữu căn nhà gắn liền với đất chị đang ở có kích thước 2,5m x 16m, diện tích 40 m²

vách tường, lợp tole, nền tráng xi măng tọa lạc tại chợ V, huyện B thuộc thửa 275, tờ bản đồ số 2.

Đến ngày 17 tháng 8 năm 2017, chị Ngô Thị Bạch Y có đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung:

Nay chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Võ Đăng B1 cùng vợ là chị Bùi Thị Thanh L phải chia di sản thừa kế theo di chúc của bà Đàm Thị T6, tháo dỡ nhà trả lại phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.066,0 m² thuộc thửa 301-2, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V và các cây trồng gắn liền trên đất (theo kết quả đo đạc bổ sung ngày 15/8/2017).

Tại phiên tòa, chị Y chỉ yêu cầu lấy bằng giá trị thành tiền quyền sử dụng đất theo giá do Hội đồng định giá tài sản huyện B đã định, mà không buộc anh B1 và vợ tháo dỡ nhà trả lại phần đất cho chị.

- Chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Võ Đăng Hưng T2 cùng những người liên quan là Đặng Thị Thu V, Võ Đăng B1, Võ Đăng Trung T3, Võ Thị Tố T4, Võ Thị Bảo T5 phải chia di sản thừa kế theo di chúc của bà Đàm Thị T6 để giao trả lại phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 12.852,8 m² thuộc thửa 301-1 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã V và giao trả các tài sản gắn liền trên đất gồm có: một ngôi nhà của bà Đàm Thị T6 để lại cùng toàn bộ cây trồng có trên đất (theo kết quả đo đạc bổ sung ngày 15/8/2017).

- Chị Y giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của bà Đàm Thị T6 để công nhận cho chị được làm chủ sở hữu căn nhà gắn liền với đất chị đang ở qua đo đạc thực tế có diện tích là 42 m² thuộc thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã V.

Về chi phí tố tụng:

- Đối với chi phí đo đạc 02 lần với số tiền 8.169.600 đồng và chi phí định giá 02 lần là 1.080.000 đồng, tổng cộng: 9.249.600 đồng, do chị Y đã tạm ứng trước. Chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết, bên nào thua kiện thì phải chịu toàn bộ chi phí này. Tuy nhiên tại phiên Tòa, chị Y tự nguyện chịu toàn bộ 9.249.600 đồng mà chị đã nộp tạm ứng cho việc đo đạc, định giá.

- Đối với chi phí đo đạc phần đất tranh chấp tại thửa 222, tờ bản đồ số 9 (phần đất tại chợ V) với số tiền: 2.870.000 đồng do anh T2 đã tạm ứng trước. Tại phiên Tòa, anh T2 tự nguyện chịu toàn bộ 2.870.000 đồng, chị Y thống nhất không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai ngày 23/01/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Đăng Hưng T2, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Đặng Thị Thu V, Võ Đăng Trung T3, Võ Thị Tố

T4, Võ Thị Bảo T5; bị đơn anh Võ Đăng B1 đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thanh L trình bày:

Anh B1 và anh T2 thống nhất với lời khai của chị Y về quan hệ huyết thống giữa bà T6 với chị Y và anh B1, anh T2 cũng như ngày bà T6 chết. Hai anh cũng thống nhất tài sản của bà T6 để lại khi chết là phần đất tại thửa 846, thửa 847, cùng tờ bản đồ số 2, diện tích 12.730 m², tọa lạc tại xã V, bà T6 được cấp ngày 22/12/1994.

Riêng phần 01 căn nhà tại chợ V gắn liền trên thửa đất 275, tờ bản đồ số 2 hiện chị Y đang ở thì không phải là tài sản của bà T6 mà là của ông Võ Thành P. Vì vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 275 được cấp ngày 03/5/1993 là do ông Võ Thành P đứng tên.

+ Nay qua yêu cầu khởi kiện thứ 1 của chị Y đối với anh B1: về việc buộc anh tháo dỡ nhà để trả lại phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.066,0m² thuộc thửa 301-2, tờ bản đồ số 8 thì anh không đồng ý, bởi vì nhà anh B1 xây dựng trên phần đất thửa 847 lúc đó bà T6 còn sống và bà đồng ý cho anh xây cất đồng nghĩa với việc đất này đã được chia cho cha anh là ông Võ Thành P (con trai bà T6). Hơn nữa, bà T6 lập di chúc để lại tài sản này cho chị Y là cháu ngoại, trong khi trên đất lại có nhà của anh mà chính bà T6 đồng ý cho anh cất, anh mới dám cất, điều này cho thấy khi lập di chúc bà T6 đã không còn minh mẫn vì quyền và lợi ích của người thứ 3 không được xem xét. Vì vậy, di chúc của bà T6 để lại cho chị Y là không hợp pháp, vì lúc này bà T6 đã bị bệnh chỉ nằm một chỗ, không còn minh mẫn sáng suốt.

Đồng thời ngày 17/11/2017, anh Võ Đăng B1 có đơn yêu cầu phản tố với nội dung: phần đất anh đang cất nhà ở là 1.066,0 m² thuộc thửa 301-2, tờ bản đồ số 8 là của bà T6 lúc còn sống cho anh 01 bờ dừa lớn để xây dựng nhà ở và thừa hưởng trên bờ dừa đó, vì phần đất này bà T6 chia phần cho cha anh (ông P), cha anh cho anh nên khi cất nhà anh được sự đồng ý của gia đình gồm có bà T6, cha mẹ anh. Do đó, anh đã cất nhà kiên cố ở vào ngày 16/11/2012 và trồng cây ăn trái trên đất, ngoài phần đất này thì hiện nay anh không còn chỗ ở nào khác. Nên anh yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích qua đo đạc thực tế là 1.066,0 m² thuộc thửa 301-2, tờ bản đồ số 8 cho anh. Chị Bùi Thị Thanh L (vợ anh B1) xác định chỉ để anh B1 yêu cầu công nhận phần diện tích đất 1.066,0 m² cho anh, do nguồn gốc đất là của bên bà nội và cha anh B1 cho lại anh, nên chị không có yêu cầu gì.

+ Đối với yêu cầu thứ 2 của chị Y: là buộc anh Võ Đăng Hưng T2 cùng những người liên quan là Đặng Thị Thu V, Võ Đăng B1, Võ Đăng Trung T3, Võ Thị Tô T4, Võ Thị Bảo T5 giao trả lại phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là

12.852,8 m² thuộc thửa 301-1, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã V và giao trả các tài sản gắn liền trên đất gồm có: một ngôi nhà của bà Đàm Thị T6 để lại cùng toàn bộ cây trồng có trên đất thì anh B1 và anh T2 đều không đồng ý vì anh B1 và anh T3 đều không đồng ý với di chúc của bà T6 lập ngày 03/01/2013 và di chúc bổ sung lập ngày 07/01/2013, do lúc này bà T6 bị bệnh nằm một chỗ không còn minh mẫn, sáng suốt, nên di chúc không hợp pháp.

+ Đối với yêu cầu thứ 3 của chị Y: thực hiện chia theo di chúc để công nhận cho chị được làm chủ sở hữu căn nhà gắn liền với đất chị đang ở qua đo đạc thực tế có diện tích là 42 m² thuộc thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V thì anh B và anh T2 đều không đồng ý, vì phần đất tại chợ V có 01 căn nhà gắn liền trên thửa đất 275, tờ bản đồ số 2 hiện chị Y đang ở, thì không phải là tài sản của bà T6 mà là của ông Võ Thành P vì nhà và đất này theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 275 là do ông P đứng tên, được cấp vào ngày 03/5/1993 nên bà T6 không có quyền định đoạt.

Về chi phí tố tụng:

- Đối với chi phí đo đạc 02 lần với số tiền 8.169.600 đồng và chi phí định giá 02 lần là 1.080.000 đồng, tổng cộng: 9.249.600 đồng, do chị Yến đã tạm ứng trước. Tại phiên Tòa, chị Y tự nguyện chịu toàn bộ 9.249.600 đồng, anh T2, anh B1 thống nhất không có ý kiến gì.

- Đối với chi phí đo đạc phần đất tranh chấp tại thửa 222, tờ bản đồ số 9 (phần đất tại chợ V) với số tiền: 2.870.000 đồng do anh Trung đã tạm ứng trước. Tại phiên Tòa, anh T2 tự nguyện chịu toàn bộ 2.870.000 đồng này.

Tại đơn phản tố đề ngày 11/12/2014 và trong quá trình giải quyết, xét xử anh Võ Đặng B1, Võ Đặng Hưng T2, Đặng Thị Thu V, Võ Đặng Trung T3, Võ Thị Tố T4, Võ Thị Bảo T5 trình bày:

Chúng tôi là vợ và các con của ông Võ Thành P (ông P chết ngày 05/01/2013). Khi còn sống ông P có ngôi nhà 03 căn gắn liền với toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 275, tờ bản đồ số 2, diện tích 98 m², tọa lạc tại ấp V, xã V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/5/1993. Khi còn sống ông P có cho chị Y ở nhờ 01 căn nhà gắn liền với diện tích đất. Việc cho ở chỉ thỏa thuận miệng không có làm giấy tờ vì chỗ bà con thân thuộc, 02 căn còn lại thì gia đình ông P vẫn sử dụng. Khi bà T6 qua đời vào ngày 06/4/2013 có di chúc trong đó có nội dung để lại 01 căn nhà nằm trong toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 275, tờ bản đồ số 2, diện tích 98 m² cho chị Y là cháu ngoại của bà T6, trong khi nhà và đất này là do ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông P mới là chủ sở hữu của nhà và đất này, nhưng bà T6 lại định đoạt lấy tài sản mà không thuộc

quyền sở hữu của bà để cho chị Y là không đúng. Mặc dù, nguồn gốc đất là của bà T6 nhưng bà T6 đã cho ông P và ông P đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Thành P đứng tên thuộc thửa 275, tờ bản đồ số 2 cấp ngày 03/5/1993, do đó nhà và đất chị Y đang ở là tài sản thừa kế của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Vì vậy, anh B1, anh T2, chị V, anh T3, chị T4, chị T5 yêu cầu chị Y phải di dời đi nơi khác để trao trả căn nhà và đất thuộc thửa 275, tờ bản đồ số 2, diện tích khoảng 40 m² tọa lạc tại xã V lại cho các anh chị.

Ngày 07 tháng 3 năm 2016, anh B1, anh T2, chị V, anh T3, chị T4, chị T5 có đơn phản tố bổ sung: yêu cầu chị Y phải di dời đi nơi khác để trả lại căn nhà và đất theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích là 42 m² thuộc các thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã V.

Anh B1, anh T2 đều xác định rằng căn nhà này là do bà T6 bỏ tiền ra xây dựng nên không đồng ý bồi thường giá trị của căn nhà. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị đơn thống nhất trong trường hợp buộc chị Y trả lại đất cho gia đình ông Phương thì đồng ý để cho chị Y lấy hiện vật và hoàn trả lại giá trị thành tiền quyền sử dụng đất cho gia đình ông P theo giá do Hội đồng định giá tài sản huyện B đã định.

Tại bản tự khai ngày 31/7/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị Bạch Y trình bày đối với yêu cầu phản tố:

Qua yêu cầu phản tố của vợ và các con ông Võ Thành P là chị không đồng ý vì theo giấy tặng cho ngày 20/11/2007 thì ông P, bà V và bà T6 đồng ý cho bà Võ Thị B2 là mẹ của chị 01 căn nhà tại chợ V thuộc thửa 275, tờ bản đồ số 2, sau đó bà B để lại cho chị vì chị là con gái của bà, đến năm 2008 chị đã sửa lại thành nhà kiên cố như hiện nay nhưng ông P cũng không có ý kiến gì. Đồng thời căn nhà này là nơi chị ở và nuôi bà T6 lúc bà bệnh trước khi chết, bà T6 đã cho chị căn nhà này, ông P biết rõ nhưng không ý kiến gì, vì theo ý nguyện của bà T6 là chỉ cho ông P 02 căn, còn 01 căn là cho chị Y, ông P cũng đồng ý. Hơn nữa, khi đo đạc cấp sổ, đo đạc hỏi ghi tên ai, bà T6 chưa kịp trả lời thì ông P đã trả lời ghi tên ông P, vì lẽ đó ông P mới đứng tên sổ đỏ, điều này đã được thể hiện rõ trong di chúc bổ sung ngày 07/01/2013 của bà T6. Nên nay chị không đồng ý di dời đi nơi khác để trao trả căn nhà và đất lại cho vợ và các con ông Võ Thành P.

Đối với yêu cầu phản tố của anh B1: yêu cầu công nhận cho anh phần diện tích qua đo đạc thực tế là 1.066,0 m² thuộc thửa 301-2, tờ bản đồ số 8 là chị không đồng ý, vì phần đất này nằm chung trong thửa 301 của bà T6 đã để lại di chúc cho chị toàn bộ và lúc bà T6 còn sống, giai đoạn từ năm 2008 đến khi bà chết, thì bà T6

ra sống với chị ở căn nhà tại chợ V nhưng chị hoàn toàn không nghe bà T6 nói gì về việc có cho anh B1 01 bờ dừ để cất nhà ở.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Minh T1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B2 cũng như bà Võ Thị B2 tại phiên Tòa đều trình bày:

Phần diện tích 11.000 m² của bà B2 được bà T6 cho là vào năm 2009 lúc đó bà T6 còn sống, và hiện bà B2 cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 300, tờ bản đồ số 8 vào ngày 08/7/2009, nhưng đến khi bà T6 chết thì bà B2 mới hưởng huê lợi tức là từ tháng 3/2013 và không liên quan gì đến phần di sản tranh chấp hiện nay.

Tại phiên tòa bà B2 xác định, đối với 01 căn nhà gắn liền với 01 phần thửa đất 275, tờ bản đồ số 2, mặc dù theo giấy cho tặng tài sản và cam kết ngày 20/11/2007 của bà Đàm Thị T6 thể hiện cho bà B2 01 căn nhà cùng diện tích đất có căn nhà, nhưng chị Y là con gái của bà nên bà đồng ý để cho chị Y phần căn nhà và đất này luôn. Vì vậy, sau đó di chúc bổ sung ngày 07/01/2013, bà T6 để lại cho chị Y căn nhà gắn liền với thửa đất này, bà không có ý kiến gì.

Mặt khác, tại phiên tòa bà B2 xác định do ông P chết trước bà T6, nên trong hàng thừa kế của ông P có bà T6, nay bà T6 chết thì bà cũng là người thừa kế theo pháp luật của bà T6 để hưởng phần của bà T6 đối với tài sản của ông P chết để lại tại thửa đất 275, tờ bản đồ số 2. Nhưng bà từ chối nhận phần di sản này mà để cho vợ và các con của ông P thừa hưởng, nên bà không có yêu cầu gì trong phần này.

Trong quá trình giải quyết, xét xử ông Hồ Tấn B3 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã V trình bày:

Đối với phần đất tranh chấp tại thửa 275, tờ bản đồ số 2 thì khi Ủy ban xã làm thủ tục đề nghị xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P không có nhận được đơn thư khiếu nại nào từ phía bà T6.

Đối với phần đất tại thửa 275, tờ bản đồ số 2 nay theo số liệu mới là thuộc thửa 222, tờ bản đồ số 9 trong đó có 01 phần thửa 222 (thửa 222-4, 222-5) là phần đất chợ V do Ủy ban nhân dân xã V quản lý. Nhưng trong vụ án này, Ủy ban xã không có ý kiến tranh chấp mà vẫn để phía gia đình anh T2 và chị Y tiếp tục sử dụng vì ngay trước cửa nhà của họ, khi nào Ủy ban xã có nhu cầu sử dụng thì trả lại đúng vị trí giáp ranh, do hiện tại thửa 222-4, 222-5 dùng làm lối đi công cộng tại chợ V.

Đối với việc lập di chúc của bà T6, sở dĩ xã không đến nhà bà T6 để chứng kiến việc lập di chúc là vì chỉ điện thoại và sau đó ông T1 có đến Ủy ban xã yêu cầu, nhưng do ông T1 không phải là người nhà của bà T6, mà việc yêu cầu cử cán

bộ xã xuống chứng kiến việc lập di chúc đối với trường hợp người lập di chúc đã già yếu, đi không nổi thì phải làm đúng trình tự, thủ tục, là có đơn yêu cầu hoặc người nhà của người lập di chúc đến báo, đề lãnh đạo của xã mới thông qua và cử cán bộ xuống, thì cán bộ được cử mới đi đến chứng kiến, do phía gia đình bà T6 không thực hiện đúng thủ tục, nên xã mới không cử cán bộ đến chứng kiến việc lập di chúc của bà Trang.

Tại bản tự khai ngày 03/02/2016 và trong quá trình giải quyết, ông Lê Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Năm 1993, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức đo đạc lập hồ sơ địa chính xã V. Vào thời điểm đó, ông Võ Thành P kê khai thửa đất số 275, tờ bản đồ số 2, diện tích 98 m², loại đất thổ cư, tọa lạc tại xã V. Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P được thông qua Hội đồng xét cấp giấy xã V, Ủy ban nhân dân xã V đề nghị về huyện và được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo Quyết định số 43/QĐ-UB ngày 03 tháng 5 năm 1993. Trong quá trình kê khai đăng ký và xét duyệt cấp giấy, Ủy ban nhân dân huyện không có nhận đơn khiếu nại nào đối với trường hợp này. Vì vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P tại thửa 275, tờ bản đồ số 2 là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ vào các Điều 467, 631, 643, 649, 652, 653, 654, 656, 657, 658, 661, 662; khoản 2 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 26; khoản 5, khoản 7 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 254; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 5, khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 12; Điều 17 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Bạch Y về việc chia di sản thừa kế theo di chúc đối với bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đăng B1, anh Võ Đăng Hưng T2, anh Võ Đăng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5.

2. Công nhận di chúc của bà Đàm Thị T6 lập ngày 03/01/2013 là hợp pháp và di chúc bổ sung của bà Đàm Thị T6 lập ngày 07/01/2013 là hợp pháp một phần. Nên buộc bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đăng B1, anh Võ Đăng Hưng T2, anh Võ Đăng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5 có nghĩa vụ chia di sản thừa kế theo di chúc của bà Đàm Thị T6, cụ thể như sau:

2.1. Chị Ngô Thị Bạch Y được nhận phần di sản theo di chúc của bà Đàm Thị T6 lập ngày 03/01/2013 là phần đất có diện tích 12.852,8 m² (có tính luôn diện tích của các ngôi mộ có trên đất), thuộc thửa 301-1, tờ bản đồ số 8, trong đó có 300m² đất thổ cư, 12.552,8 m² đất công nghiệp.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị Bạch Y đối với các ngôi mộ có trên đất gồm mộ của bà Đàm Thị T6, ông Võ Văn T7, bà Nguyễn Thị D (mẹ chồng bà T6) là mộ của ông bà, riêng ngôi mộ của ông Võ Thành P và 01 nhà tiền chế che trên mộ của ông P được bà V xây cất, chị Y không yêu cầu di chuyển đi và vẫn để cho phía gia đình ông P đến thăm viếng, chăm sóc ngôi mộ của ông P cũng như các ngôi mộ của ông bà mà không ngăn cản gì nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Phần diện tích đất này buộc bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đăng B1, anh Võ Đăng Hưng T2, anh Võ Đăng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5 phải có nghĩa vụ giao lại cho chị Ngô Thị Bạch Y.

Phần đất có tứ cận như sau:

- + Nam giáp đường;
- + Đông giáp đất Nguyễn Văn T8, sinh năm 1955, Trương Hồng H, Phạm Văn E, Nguyễn Văn T8, sinh năm 1972;
- + Tây giáp phần đất Võ Đăng B1 đang sử dụng và Võ Thị B2;
- + Bắc giáp Đặng Thị Thu V.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 301, tờ bản đồ số 8 xã V, huyện B ngày 15/8/2017 kèm theo).

Chị Ngô Thị Bạch Y có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị với diện tích và tứ cận nêu trên.

2.2. Chị Ngô Thị Bạch Y được nhận phần di sản theo di chúc bổ sung của bà Đàm Thị T6 lập ngày 07/01/2013 đối với phần hợp pháp gồm có:

2.2.1. Một ngôi nhà thờ 03 căn chữ đình gắn liền trên thửa đất 301-1, tờ bản đồ số 8, nhà nước (kí hiệu g), diện tích 171,5m² có kết cấu nhà 01 tầng móng cột bê

tông cốt thép, tường bao che ngăn phòng xây gạch dày 100mm, sơn nước không trần, nền lát gạch Ceramic, mái ngói; nhà sau có kết cấu nhà một tầng, móng cột bê tông cốt thép, tường bao che ngăn phòng xây gạch dày 100mm, sơn nước không trần, 01 phần mái ngói, 01 phần mái tole tráng kẽm.

2.2.2. Toàn bộ cây cối gắn liền với thửa đất 301-1, tờ bản đồ số 8 gồm có:

+ 230 cây dừa 50 năm và 30 năm tuổi.

+ 01 cây khế 30 năm tuổi.

- Phần ngôi nhà thờ và các cây trồng này buộc bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1, anh Võ Đặng Hưng T2, anh Võ Đặng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5 phải có nghĩa vụ giao lại cho chị Ngô Thị Bạch Y.

2.2.3. Chị Ngô Thị Bạch Y được nhận phần diện tích đất 1.066,0 m² thuộc thửa 301-2, tờ bản đồ số 8 nhưng nhận bằng giá trị thành tiền là 149.240.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Buộc anh Võ Đặng B1 và chị Bùi Thị Thanh L phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại 149.240.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) cho chị Ngô Thị Bạch Y.

2.2.4. Chị Ngô Thị Bạch Y được nhận 17 cây dừa 50 năm tuổi nằm trong thửa 301-2, tờ bản đồ số 8 do anh Võ Đặng B1 và chị Bùi Thị Thanh L đang quản lý, nhưng nhận bằng giá trị thành tiền là 25.500.000 đồng (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng). Buộc anh Võ Đặng B1 và chị Bùi Thị Thanh L phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại 25.500.000 đồng (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) cho chị Ngô Thị Bạch Y.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày chị Ngô Thị Bạch Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Võ Đặng B1 và chị Bùi Thị Thanh L chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2.5. Chị Ngô Thị Bạch Y được nhận và sở hữu 01 căn nhà có kết cấu 01 tầng, móng cột bê tông cốt thép, tường bao che ngăn phòng xây gạch dày 100mm, nền xi măng, mái tole tráng kẽm, có gác gỗ, diện tích căn nhà 42m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

(Thực tế căn nhà này chị Ngô Thị Bạch Y đang quản lý sử dụng).

3. Chị Ngô Thị Bạch Y được quyền sở hữu: 01 nhà bếp (ký hiệu t1, tại thửa 301-1), diện tích 31,7 m² có kết cấu cột bê tông cốt thép, tường lững, nền xi măng, mái tole; 01 mái che thêm (ký hiệu t2, tại thửa 301-1), diện tích 19,9 m² có kết cấu cột gỗ, vách lá, nền xi măng, mái lá; 01 chuồng bò có kết cấu cột gỗ tường lững

nền xi măng, mái lá, 02 ống hồ; 01 cổng rào xây gạch, cổng khung sắt lưới B40 và các cây trồng gồm có: 08 bụi chuối, 28 chuối cây, 02 cây xoài 07 năm tuổi, 06 cây nhãn 10 năm tuổi, 01 cây măng cầu 03 năm tuổi (cho trái ổn định); 02 cây măng cầu 03 năm tuổi (không cho trái ổn định); 05 cây mít 04 năm tuổi chưa cho trái ổn định.

4. Buộc chị Ngô Thị Bạch Y có nghĩa vụ bồi hoàn cho bà Đặng Thị Thu V 16.733.200 đồng (mười sáu triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm đồng), trong đó gồm giá trị nhà bếp (ký hiệu t1, tại thửa 301-1): 1.585.000 đồng (một triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng); giá trị 02 ống hồ: 3.148.200 đồng (ba triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm đồng); giá trị 01 cổng rào xây gạch cổng khung sắt lưới B40: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); chi phí tráng thêm sân xi măng xung quanh căn nhà thờ và đổ đá trên lối đi từ cổng rào vào nhà với chi phí 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

5. Buộc chị Ngô Thị Bạch Y có nghĩa vụ bồi hoàn cho anh Võ Đặng Hưng T2 giá trị mái che thêm (ký hiệu t2, tại thửa 301-1): 169.150 đồng (một trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm năm mươi đồng).

6. Buộc chị Ngô Thị Bạch Y có nghĩa vụ bồi hoàn cho anh Võ Đặng Trung T3 giá trị chuồng bò: 351.500 đồng (ba trăm năm mươi một nghìn, năm trăm đồng).

7. Buộc chị Ngô Thị Bạch Y có nghĩa vụ bồi hoàn cho bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1, anh Võ Đặng Hưng T2, anh Võ Đặng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5 giá trị của các cây trồng: 08 bụi chuối, 28 chuối cây, 02 cây xoài 07 năm tuổi, 06 cây nhãn 10 năm tuổi, 01 cây măng cầu 03 năm tuổi (cho trái ổn định); 02 cây măng cầu 03 năm tuổi (không cho trái ổn định); 05 cây mít 04 năm tuổi chưa cho trái ổn định với số tiền: 7.400.000 đồng (bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1, anh Võ Đặng Hưng T2, anh Võ Đặng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Ngô Thị Bạch Y chưa thi hành các khoản tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Buộc chị Ngô Thị Bạch Y có nghĩa vụ hỗ trợ chi phí di dời và đôn chặt cho bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B, anh Võ Đặng Hưng T2, anh Võ Đặng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5 với số tiền 570.000 đồng (năm trăm bảy mươi nghìn đồng), gồm:

+ 03 cây mai đường kính gốc trên 15cm, hỗ trợ công di dời 60.000 đồng/cây.
+ 05 cây mai đường kính gốc từ 10-15cm, hỗ trợ công di dời 50.000 đồng/cây.

+ 03 cây mai đường kính gốc từ 5-10cm, hỗ trợ công di dời 30.000 đồng/cây.
+ 01 cây bạch đàn hỗ trợ chi phí đốn chặt 50.000 đồng/cây.

9. Anh Võ Đăng B1 và chị Bùi Thị Thanh L được quyền chủ sử dụng 1.066,0 m² (đất công nghiệp) tại thửa 301-2, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B và sở hữu toàn bộ cây trồng và công trình kiến trúc có trên đất gồm có: 01 ngôi nhà chính (ký hiệu g), diện tích 111,5m² có kết cấu cột bê tông cốt thép, tường bao che ngăn phòng, xây gạch dày 100mm, không trần (xây dựng năm 2012), nền lát gạch Ceramic, mái tole tráng kẽm, nhà tô chưa quét vôi (phía ngoài), phía trong có sơn nước. Mái che phía sau (ký hiệu t), diện tích 33,3m² có kết cấu mái che nền xi măng, lợp tole, tường lửng; hàng rào trụ đá bê tông cốt thép, tường xây lửng cao, phía trên lắp khung lưới B40; 02 ống hồ tròn di chuyển được; 02 cây bưởi đã cho trái; 05 cây bưởi chưa cho trái; 01 cây xoài trồng 2012 chưa cho trái; 09 cây tắc (hạnh); 09 bụi xài; 20 cây dừa xiêm trồng 2012; 01 cây mận; 01 cây ổi; 02 bụi mía.

Phần đất có tứ cận như sau:

- + Nam giáp đường;
- + Đông giáp phần còn lại của thửa 301 do anh T2 đang quản lý;
- + Tây giáp Võ Thị B2;
- + Bắc giáp phần còn lại thửa 301 do anh T2 đang quản lý.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 301, tờ bản đồ số 8 xã V, huyện B ngày 15/8/2017 kèm theo).

- Anh Võ Đăng B1 và chị Bùi Thị Thanh L có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh và chị với diện tích và tứ cận nêu trên.

10. Không chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Bạch Y về việc chia di sản thừa kế theo di chúc đối với phần diện tích đất 42m² thuộc thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

11. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đăng B, anh Võ Đăng Hưng T2, anh Võ Đăng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5 “về việc tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với chị Ngô Thị Bạch Y.

12. Buộc chị Ngô Thị Bạch Y có nghĩa vụ giao trả lại 42 m² đất cho bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đăng B1, anh Võ Đăng Hưng T2, anh Võ Đăng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5, nhưng trả bằng giá trị thành tiền là 75.600.000 đồng (bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1, anh Võ Đặng Hưng T2, anh Võ Đặng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Ngô Thị Bạch Y chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

13. Chị Ngô Thị Bạch Y được quyền sử dụng 42 m² đất thuộc thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

Phần đất có tứ cận như sau:

- + Bắc giáp chợ V (do Ủy ban nhân dân xã V quản lý);
- + Nam giáp Huỳnh Thanh D (do bà Phạm Thị Ngọc A đang trực tiếp quản lý sử dụng);
- + Tây giáp phần còn lại thửa 222 (do anh Võ Đặng Hưng T2 đang quản lý sử dụng);
- + Đông giáp đất vợ chồng Dương Minh H và Trương Thị Thu V.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 222, tờ bản đồ số 9 xã V, huyện B ngày 28/9/2015 kèm theo).

Chị Ngô Thị Bạch Y có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị với diện tích và tứ cận nêu trên.

14. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1, anh Võ Đặng Hưng T2, anh Võ Đặng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5 về việc đòi lại căn nhà gắn liền trên thửa đất 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Vinh Hội, xã V, huyện B, tỉnh B.

15. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Võ Đặng B1 “về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất” cho anh tại thửa 301-2, tờ bản đồ số 8, có diện tích 1.066,0m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/4/2018, nguyên đơn chị Ngô Thị Bạch Y, bị đơn anh Võ Đặng Hưng T2 kháng cáo.

Ngày 05/4/2018, bị đơn anh Võ Đặng B1 kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo của chị Ngô Thị Bạch Y và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Minh T1 trình bày: chị Y kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể chị Y yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử công nhận phần đất có diện tích 42 m² thuộc thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số

09, tọa lạc tại xã V cho chị mà chị không phải trả cho bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1, anh Võ Đặng Hưng T2, anh Võ Đặng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4 số tiền 75.600.000 đồng. Ngoài ra, chị Y kháng cáo về phần án phí sơ thẩm, theo chị Y đương sự có đơn khởi kiện hoặc đơn phản tố mà yêu cầu không được chấp nhận thì phải chịu án phí có giá ngạch 5%, còn đương sự được chấp nhận thì không phải chịu án phí.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, anh Võ Đặng B1 trình bày: yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại một phần bản án sơ thẩm, cụ thể công nhận phần đất có diện tích 1.066 m², thuộc thửa 301-2, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B cho anh và không phải trả lại giá trị thành tiền cho chị Ngô Thị Bạch Y.

Theo đơn kháng cáo, anh Võ Đặng Hưng T2 trình bày: yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh đồng ý rút một phần kháng cáo cụ thể là rút yêu cầu phản tố đối với việc yêu cầu chị Ngô Thị Bạch Y phải có nghĩa vụ trả lại 42 m² đất thuộc thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B cho bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1, anh Võ Đặng Hưng T2, anh Võ Đặng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5. Bà Đặng Thị Thu V và anh Võ Đặng B1 cũng đồng ý với việc anh T2 rút yêu cầu phản tố này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Công nhận di chúc lập ngày 03/01/2013 và di chúc bổ sung lập ngày 07/01/2013 của bà Đàm Thị T6. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Ngô Thị Bạch Y, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Võ Đặng B1 và anh Võ Đặng Hưng T2. Sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận phần phía bị đơn đồng ý cho nguyên đơn tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích 42 m² thuộc thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Vinh Hội, xã V, huyện B, tỉnh B, điều chỉnh lại phần án phí cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Ngô Thị Bạch Y, bị đơn anh Võ Đặng B1, anh Võ Đặng Hưng T2 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất quan hệ huyết thống giữa nguyên đơn và bị đơn như sau: bà Đàm Thị T6 (đã chết ngày 06/4/2013) và chồng bà T6 là ông Võ Văn T8 (đã chết ngày 15/9/1992) có 03 người con chung:

1. Ông Võ Thành L, sinh năm: 1949 (chết lúc 19 tuổi);
2. Bà Võ Thị B2, sinh năm: 1954 (mẹ ruột chị Ngô Thị Bạch Y);
3. Ông Võ Thành P, sinh năm: 1956 (chết ngày 05/01/2013) (chồng của bà Đặng Thị Thu V, cha ruột của anh Võ Đặng B1 và anh Võ Đặng Hưng T2).

[2] Về tài sản tranh chấp: Hai bên đương sự không thống nhất được với nhau về di sản thừa kế của bà Đàm Thị T6 để lại. Nguyên đơn chị Ngô Thị Bạch Y thì cho rằng di sản thừa kế của bà Đàm Thị T6 để lại gồm có: thửa đất số 846, 847, tờ bản đồ số 2, nay qua kết quả đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp thuộc thửa 301-1, 301-2, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B có diện tích 13.918,8 m² (theo số liệu mới), ngôi nhà thờ 03 căn chữ đình vách tường, lợp ngói móc, cột bê tông, lát gạch men và gạch tàu và cây trồng gắn liền trên thửa 301-1, căn nhà gắn liền với đất thuộc thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9 (phần đất tại chợ V), tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B. Bị đơn Võ Đặng B1, Võ Đặng Hưng T2 thì cho rằng toàn bộ tài sản của bà T6 đã tặng cho các con của bà T6 ở giấy tặng cho tài sản và cam kết của bà Đàm Thị T6 đề ngày 20/11/2007, bà T6 không còn tài sản nào khác.

[3] Thấy rằng, nguyên đơn chị Ngô Thị Bạch Y khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Đàm Thị T6 để lại, cụ thể các yêu cầu của chị như sau: *Thứ nhất*, yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất qua đo đạc thực tế là 12.852,8 m² thuộc thửa 301-1, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B, ngôi nhà thờ chữ đình 03 căn và toàn bộ cây trồng trên đất; buộc anh Võ Đặng Hưng T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng Trung T3, chị Võ Thị Tố Trinh, chị Võ Thị Bảo Trân phải giao trả đất, nhà và cây trồng nói trên. *Thứ hai*, yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất qua đo đạc thực tế là 1.066 m², thuộc thửa 301-2, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B và cây trồng gắn liền trên đất nhưng chị Y chỉ yêu cầu lấy bằng giá trị thành tiền theo giá mà Hội đồng định giá tài sản huyện B đã định, không buộc anh B1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải tháo dỡ nhà trả lại phần đất cho chị. *Thứ ba*, yêu cầu chia di sản thừa kế đối với đất và căn nhà gắn liền trên đất có diện tích 42 m², tọa lạc tại thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V, huyện Bình Đại, tỉnh B. Cơ sở chứng cứ của nguyên đơn là tờ di chúc của bà Đàm Thị T6 lập ngày

03/01/2013 và tờ di chúc bổ sung của bà Đàm Thị T6 lập ngày 07/01/2013, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đàm Thị T6 tại thửa 846, 847, tờ bản đồ số 2 cấp ngày 22/12/1994. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phía bị đơn không đồng ý vì bị đơn cho rằng khi lập 02 di chúc này thì bà T6 bị bệnh nằm một chỗ, không còn minh mẫn, sáng suốt nên di chúc không hợp pháp. Ngoài ra, đối với tài sản là ngôi nhà diện tích 42 m² thuộc thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V hiện chị Y đang ở thì không phải là tài sản của bà T6 mà là tài sản của ông Võ Thành P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì thế bà T6 không có quyền định đoạt. Bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu chị Y phải di dời đi nơi khác để trả lại căn nhà và đất theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích là 42 m² thuộc các thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1 và anh Võ Đặng Hưng T2 đồng ý rút yêu cầu phản tố, đồng ý để chị Y tiếp tục sử dụng phần đất trên. Ngoài ra, ông Võ Đặng B1 yêu cầu phản tố công nhận cho anh phần diện tích qua đo đạc thực tế là 1.066 m² thuộc thửa 301-2, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V. Cơ sở chứng cứ của bị đơn cung cấp là giấy tặng cho tài sản và cam kết của bà Đàm Thị T2 đề ngày 20/11/2007, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Thành P tại thửa 275, tờ bản đồ số 2 vào ngày 03/5/1993.

[4] Xét thấy, giấy tặng cho tài sản và cam kết giữa bà Đàm Thị T6 với ông Võ Thành P, bà Võ Thị B2, bà Đặng Thị Thu V được lập ngày 20/11/2007: Về hình thức: hợp đồng tặng cho được lập thành văn bản có chứng thực chữ ký của Ủy ban nhân dân xã V là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 122 và Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2005. Về nội dung: hợp đồng tặng cho được bà Đàm Thị T6 lập ngày 20/11/2007 thể hiện rõ sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bà Đàm Thị T6 giao tài sản của mình và chuyển quyền sở hữu cho bên được tặng cho gồm: bà Võ Thị B2, ông Võ Thành P, bà Đặng Thị Thu V mà không yêu cầu đền bù và bên được tặng cho đồng ý nhận theo quy định tại Điều 465 Bộ luật Dân sự năm 2005. Chủ thể tham gia hợp đồng có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, các chủ thể tham gia hợp đồng hoàn toàn tự nguyện cụ thể là các bên đã ký vào hợp đồng, mục đích và nội dung của hợp đồng thể hiện bà Đàm Thị T6 để lại các tài sản của mình cho các con bao gồm bà Võ Thị B2, ông Võ Thành P, bà Đặng Thị Thu V, việc này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Như vậy, hợp đồng này thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005. Mặc dù, nội dung của hợp đồng tặng cho thể hiện bà T6 cho bà Võ Thị B2 một căn nhà lợp tol thiếc (kích thước 2,5 m x 16 m), cùng diện tích đất (có căn nhà này) của gia đình tại chợ V là định đoạt phần

tài sản không phải của mình vì tài sản này được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Thành P tại thửa 275, tờ bản đồ số 2 vào ngày 03/5/1993. Tuy nhiên, căn nhà tại chợ V có nguồn gốc của bà Đàm Thị T6, hợp đồng tặng cho này được tất cả các con của bà T6 ký tên, điều này thể hiện ông P cũng đồng ý việc bà T6 định đoạt tặng cho bà B2 01 căn nhà ở chợ V. Hợp đồng tặng cho này đã được thực hiện một phần, bà Võ Thị B2 đã sang tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 11.100 m², thửa đất số 300, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B ngày 08/7/2009. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đăng B1 và anh Võ Đăng Hưng T2 thống nhất để căn nhà gắn liền với đất tại chợ V cho bà Võ Thị B2 tiếp tục quản lý và sử dụng. Nguyên đơn cho rằng giấy tặng cho của bà T6 lập là hợp đồng tặng cho có điều kiện và ông P có hành vi xúc phạm đến bà T6, lật đổ bàn thờ tổ tiên là đã vi phạm điều kiện trong hợp đồng nên sau đó bà T6 lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho chị Ngô Thị Bạch Y. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông P có hành vi vi phạm điều kiện trong giấy tặng cho; vì vậy không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Nguyên đơn đưa ra tài liệu, chứng cứ là di chúc của bà Đàm Thị T6 lập ngày 03/01/2013 và tờ di chúc bổ sung của bà Đàm Thị T6 lập ngày 07/01/2013 để yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc. Tuy nhiên, phần tài sản mà bà T6 đề cập trong 02 di chúc đã được bà định đoạt tại giấy tặng cho tài sản và cam kết lập ngày 20/11/2007, nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất ngoài phần tài sản thể hiện trong giấy tặng cho thì bà T6 không còn tài sản nào khác. Theo quy định của pháp luật thì di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết. Bà T6 đã tặng cho toàn bộ tài sản của mình cho các con, do đó bà T6 không còn tài sản để lập di chúc để lại cho chị Ngô Thị Bạch Y. Vì vậy, không công nhận tờ di chúc lập ngày 03/01/2013 và tờ di chúc bổ sung của bà Đàm Thị T6 lập ngày 07/01/2013, tiếp tục thực hiện phần còn lại của hợp đồng tặng cho lập ngày 20/11/2007. Cụ thể như sau:

[5.1] Bà Võ Thị B2 được toàn quyền quản lý sử dụng và định đoạt diện tích 10.000 m² thuộc thửa số 847, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp X, VH, xã V, huyện B, tỉnh B theo hợp đồng tặng cho lập ngày 20/11/2007. Tuy nhiên, bà Võ Thị B2 đã sang tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 11.100 m², thửa đất số 300, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B ngày 08/7/2009. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định, thời điểm đó ông Võ Thành P cũng không có ý kiến khiếu nại về việc này. Tại phiên tòa hôm nay, bà

Đặng Thị Thu V, anh Võ Đăng B1 và anh Võ Đăng Hưng T2 cũng thống nhất đối với phần diện tích bà B2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phần nhiều hơn so với phần đất trong giấy bà T6 tặng cho nhưng bị đơn cũng đồng ý để bà B2 tiếp tục quản lý sử dụng. Do đó, bà Võ Thị B2 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 11.100 m², thửa đất số 300, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B.

[5.2] Ghi nhận việc phía bị đơn đồng ý để bà Võ Thị B2 và chị Ngô Thị Bạch Y được tiếp tục quản lý sử dụng và định đoạt căn nhà 42 m² gắn liền với đất thuộc thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp VH, xã V, huyện B, tỉnh B và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Võ Thành P sang bà B2 cho phù hợp.

[5.3] Theo giấy tặng cho thì ông Võ Thành P được bà Đàm Thị T6 cho phần đất có diện tích 13.830 m², thuộc thửa số 846 và một phần thửa 847, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp X, VH, xã VH, huyện B, tỉnh B nhưng do bà B2 đã đăng ký sử dụng phần đất có diện tích 11.100 m² là nhiều hơn so với phần đất được tặng cho 1.100 m² nên phần đất còn lại của bà T6 có diện tích là 12.730 m², qua đo đạc thực tế là 13.918,8 m² gồm 02 thửa 301-2 có diện tích 1066.0 m² và thửa 301-1 có diện tích 12.852,8 m² (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất). Phần đất có diện tích 1066.0 m² thuộc thửa 301-2 do anh Võ Đăng B1 được ông P tặng cho trước đây và anh đã xây cất nhà kiên cố, bà Đặng Thị Thu V và anh Võ Đăng Hưng T2 cũng thống nhất để anh B1 tiếp tục quản lý sử dụng và định đoạt phần đất trên nên chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Võ Đăng B1, anh B1 được tiếp tục quản lý sử dụng và định đoạt phần đất nói trên. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng đồng ý cho anh B1 được sử dụng con đường kẻ bên phần đất anh B1 đang sử dụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với phần đất còn lại có diện tích là 13.918,8 m² thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B và ngôi nhà 03 căn chữ đinh vách tường, lợp ngói móc, cột bê tông, lát gạch men, gạch tàu xây dựng trên đất, toàn bộ cây trồng, công trình trên đất thì do ông Võ Thành P đã chết nên bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đăng B1 và anh Võ Đăng Hưng T2 được hưởng thừa kế phần di sản này do ông P để lại.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận một phần kháng cáo của anh Võ Đăng B1 và anh Võ Đăng Hưng T2, không chấp nhận kháng cáo của chị Ngô Thị Bạch Y, sửa bản án sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[8.1] Bà Võ Thị B2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8.2] Bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1 và anh Võ Đặng Hưng T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8.3] Chị Ngô Thị Bạch Y phải chịu án phí dân sự không giá ngạch là 300.000 đồng.

[9] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Võ Đặng B1 và anh Võ Đặng Hưng T2 được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Do kháng cáo của chị Ngô Thị Bạch Y không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Ngô Thị Bạch Y. Chấp nhận kháng cáo của anh Võ Đặng B1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Võ Đặng Hưng T2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Đình chỉ phúc thẩm đối với yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1, anh Võ Đặng Hưng T2, anh Võ Đặng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5 đối với việc yêu cầu chị Ngô Thị Bạch Y phải có nghĩa vụ trả lại 42 m² đất thuộc thửa 222-1, 222-2, 222-3, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp VH, xã V, huyện B, tỉnh B cho bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1, anh Võ Đặng Hưng T2, anh Võ Đặng Trung T3, chị Võ Thị Tố T4, chị Võ Thị Bảo T5.

Áp dụng Điều 122, Điều 465, Điều 467, Điều 631, Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 652, Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng khoản 1 Điều 26; khoản 5, khoản 7 Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Bạch Y.

2. Công nhận giấy tặng cho tài sản và cam kết giữa bà Đàm Thị T6 với ông Võ Thành P, bà Võ Thị B2, bà Đặng Thị Thu V được lập ngày 20/11/2007.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Võ Đặng B1 về việc yêu cầu công nhận cho anh B1 phần đất có diện tích 1.066,0 m², thuộc thửa 301-2, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B. Anh Võ Đặng B1 được tiếp tục quản lý sử dụng và định đoạt phần đất có diện tích 1.066 m² thuộc thửa 301-2, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B và sở hữu toàn bộ cây trồng và công trình kiến trúc có trên đất gồm có: 01 ngôi nhà chính (ký hiệu g), diện tích 111,5m² có kết cấu cột bê tông cốt thép, tường bao che ngăn phòng, xây gạch dày 100 mm, không trần (xây dựng năm 2012), nền lát gạch Ceramic, mái tole tráng kẽm, nhà tô chưa quét vôi (phía ngoài), phía trong có sơn nước. Mái che phía sau (ký hiệu t), diện tích 33,3 m² có kết cấu mái che nền xi măng, lợp tole, tường lửng; hàng rào trụ đá bê tông cốt thép, tường xây lửng cao, phía trên lắp khung lưới B40; 02 ống hồ tròn di chuyển được; 02 cây bưởi đã cho trái; 05 cây bưởi chưa cho trái; 01 cây xoài trồng năm 2012 chưa cho trái; 09 cây tắc (hạnh); 09 bụi xả; 20 cây dừa xiêm trồng năm 2012; 01 cây mận; 01 cây ổi; 02 bụi mía.

Phần đất có tứ cận như sau:

- + Nam giáp đường;
- + Đông giáp phần còn lại của thửa 301 do anh T2 đang quản lý;
- + Tây giáp Võ Thị B2;
- + Bắc giáp phần còn lại thửa 301 do anh T2 đang quản lý.

Ghi nhận việc bà Võ Thị B2 cho anh Võ Đặng B1 được sử dụng con mương bên cạnh nhà của anh Võ Đặng B1, thuộc thửa 300, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị B2.

(có họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 301, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B ngày 15 tháng 8 năm 2017 kèm theo)

4. Bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1 và anh Võ Đặng Hưng T2 được tiếp tục sử dụng diện tích là 13.918,8 m² thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B và ngôi nhà 03 căn chữ đinh vách tường, lợp ngói móc, cột bê tông, lát gạch men, gạch tàu xây dựng trên đất, toàn bộ cây trồng, công trình trên đất.

(có họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 301, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B ngày 15 tháng 8 năm 2017 kèm theo)

Bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1, anh Võ Đặng Hưng T2 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Bà Võ Thị B1 được nhận và sở hữu 01 căn nhà có kết cấu 01 tầng móng cột bê tông cốt thép, tường bao che ngăn phòng cây gạch dày 100 mm, nền xi măng, mái tole tráng kẽm, có gác gỗ, diện tích căn nhà 42 m², tọa lạc tại ấp VH, xã V, huyện B, tỉnh B. Thực tế căn nhà này chị Ngô Thị Bạch Y đang quản lý sử dụng, buộc chị Ngô Thị Bạch Y phải giao căn nhà này cho bà Võ Thị B.

Bà Võ Thị B có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Võ Thành P sang cho phù hợp với quy định của pháp luật.

(có họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 222, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh B ngày 28 tháng 9 năm 2015 kèm theo)

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị B2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1 và anh Võ Đặng Hưng T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre hoàn trả tiền tạm ứng phí cho bà Đặng Thị Thu V, anh Võ Đặng B1 và anh Võ Đặng Hưng T2 số tiền 1.350.000 đồng (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) lần lượt theo các biên lai thu số 0014465 ngày 11 tháng 12 năm 2014 với số tiền 1.250.000 (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) và biên lai thu số 0001268 ngày 07 tháng 3 năm 2016 với số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Võ Đặng B1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006176 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Chị Ngô Thị Bạch Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp là 13.450.000 đồng (mười ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0002654 ngày 30 tháng 12 năm 2013 với số tiền 11.250.000 đồng (mười một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) và biên lai thu số 0002912 ngày 15

tháng 4 năm 2014 với số tiền 1.250.000 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho chị Ngô Thị Bạch Y số tiền 13.150.000 đồng (mười ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Ngô Thị Bạch Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014979 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho anh Võ Đăng B1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014980 ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho anh Võ Đăng Hưng T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014976 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Kim Tư